

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2009**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 14

203018  
HỘI T  
NHIỆM HỮ  
LOITT  
HỆT NAM  
ĐA - TP.

S. G. A  
Q. H. C

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thiện Toàn	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Bà Tạ Thị Ngọc Mỹ	Thành viên
Ông Lâm Đức Trường	Thành viên
Ông Vũ Đức Nghĩa	Thành viên
Ông Lim Song Hak	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 2 năm 2009)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Đức Nghĩa	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2009)
Ông Vũ Đức Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2009)
Bà Tạ Thị Ngọc Mỹ	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 7 tháng 10 năm 2009)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



The image shows a red circular official stamp of Woori CBV. The text inside the stamp reads: 'S.G.P. C.T. C.P.V.' around the top edge, 'CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV' in the center, and 'Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI' around the bottom edge. A blue ink signature is written across the stamp.

**Vũ Đức Nghĩa**  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2010



Số: 254 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán ngày 31/3/2009 đưa ra ý kiến ngoại trừ do giới hạn phạm vi kiểm toán liên quan đến việc không thể thu thập được các bằng chứng để đưa ra ý kiến về giá trị các khoản phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán với giá trị là 4.231.149.897 VND trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2008 và do bất đồng trong xử lý kế toán liên quan đến việc ghi nhận tăng khoản mục Đầu tư ngắn hạn khác và tăng phải trả khác một số hoạt động Repo chứng khoán của nhà đầu tư với giá trị là 16.597.000.000 VND khi hoạt động Repo chưa thực sự phát sinh.

### Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề hạn chế trong phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán nhằm đánh giá tính hợp lý của các số dư trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số dư này và ảnh hưởng của nó đến báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2009, trong số dư khoản mục tiền gửi Ngân hàng có khoảng 4,3 tỷ VND chưa có sao kê hoặc sổ phụ ngân hàng để đối chiếu. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán để đánh giá tính hiện hữu của giá trị khoản tiền này do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về số tiền 4,3 tỷ VND trên khoản mục tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2009.

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

### Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.



Trần Thị Thủy Ngọc  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0031/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 10 tháng 4 năm 2010*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Phạm Quỳnh Hoa  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV

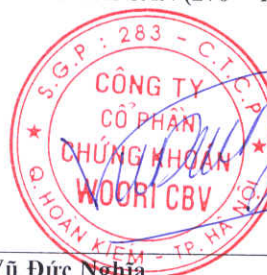


- C  
TY  
ĂN  
HO/  
CB/  
- TP

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>164.125.780.024</b>	<b>120.281.823.776</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>94.761.566.817</b>	<b>32.151.555.056</b>
1. Tiền	111	4	94.761.566.817	32.151.555.056
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>44.189.868.340</b>	<b>74.964.344.800</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		44.189.868.340	74.964.344.800
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>22.108.343.329</b>	<b>7.280.354.589</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		-	201.960.453
2. Trả trước cho người bán	132		505.134.395	2.000.000.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		5.306.368.375	4.231.149.897
4. Phải thu khác	138		16.382.026.080	847.244.239
5. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(85.185.521)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>817.468.389</b>
<b>V. Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>3.066.001.538</b>	<b>5.068.100.942</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.156.523.383	362.955.209
2. Tài sản ngắn hạn khác	152		1.909.478.155	4.705.145.733
<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>10.833.495.683</b>	<b>5.212.899.836</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.391.044.424</b>	<b>4.925.008.963</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	2.517.917.239	1.826.770.146
- Nguyên giá	222		3.717.474.088	2.258.770.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.199.556.849)	(432.000.000)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	7.747.170.662	1.549.526.476
- Nguyên giá	228		8.904.008.633	1.729.526.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.156.837.971)	(180.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		125.956.523	1.548.712.341
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>85.500.000</b>	<b>85.500.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		85.500.000	85.500.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>356.951.259</b>	<b>202.390.873</b>
1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		356.951.259	202.390.873
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>174.959.275.707</b>	<b>125.494.723.612</b>



Vũ Đức Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**MẪU SỐ B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>39.120.802.828</b>	<b>25.235.532.644</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.120.802.828</b>	<b>25.235.532.644</b>
1. Phải trả người bán	312		362.916.718	204.096.684
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		109.347.484	17.139.846
3. Phải trả người lao động	315		359.332.951	692.719.515
4. Phải trả về hoạt động giao dịch chứng khoán	320		37.137.035.319	7.144.953.279
5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		4.542.700	123.691.370
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	328		1.147.627.656	17.052.931.950
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>135.838.472.879</b>	<b>100.259.190.968</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>135.838.472.879</b>	<b>100.259.190.968</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	8	135.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
4. Lợi nhuận chưa phân phối	438	8	611.173.983	31.892.072
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN (450 = 300+ 400)</b>	<b>450</b>		<b>174.959.275.707</b>	<b>125.494.723.612</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị	31/12/2009	31/12/2008
Ngoại tệ các loại	USD	16.366	33.496
Chứng khoán lưu ký		77.799.300.000	69.483.760.000
Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		10.000.000	



Vũ Đức Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**MẪU SỐ B 02-CTCK**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>15.836.324.918</b>	<b>11.969.676.179</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		4.835.482.696	3.583.575.061
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		9.544.500	838.945.419
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		-	2.047.128.745
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		2.300.000	-
Doanh thu khác	01.9		10.988.997.722	5.500.026.954
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>55.466.934</b>	<b>356.456.236</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>15.780.857.984</b>	<b>11.613.219.943</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>		<b>8.953.099.877</b>	<b>4.962.526.860</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6.827.758.107</b>	<b>6.650.693.083</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>6.113.576.010</b>	<b>6.827.687.164</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>714.182.097</b>	<b>(176.994.081)</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>6.735.379</b>	<b>227.853.093</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>16.388.664</b>	<b>-</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(9.653.285)</b>	<b>227.853.093</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>704.528.812</b>	<b>50.859.012</b>
<b>12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>9</b>	<b>125.246.901</b>	<b>14.240.523</b>
<b>13. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)</b>	<b>80</b>		<b>579.281.911</b>	<b>36.618.489</b>



Vũ Đức Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Đức Tùng  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

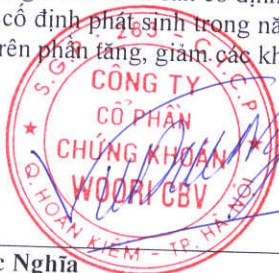
MẪU SỐ B 03-CTCK

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN</b>		
1. Lợi nhuận trước thuế	704.528.812	50.859.012
2. Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định	1.744.394.820	612.000.000
Các khoản lập dự phòng	85.185.521	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	2.534.109.153	662.859.012
(Tăng) các khoản phải thu	(14.913.174.261)	(889.520.519)
Giảm/(Tăng) chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	30.774.476.460	(70.255.044.800)
Tăng/(Giảm) khoản phải trả và các khoản công nợ khác	13.533.308.930	(14.174.686.460)
Giảm hàng tồn kho	817.468.389	177.412.209
Giảm chi phí trả trước	2.795.667.578	126.449.622
(Tăng) các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	(154.560.386)	(3.954.381.516)
(Tăng) tài sản ngắn hạn khác	(793.568.174)	(152.235.871)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</i>	34.593.727.689	(88.459.148.323)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(6.983.715.928)	(2.527.270.143)
2. Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	9.343.500
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	(6.983.715.928)	(2.517.926.643)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu	35.000.000.000	75.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	-	(913.921.980)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	35.000.000.000	74.086.078.020
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	62.610.011.761	(16.890.996.946)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	32.151.555.056	49.042.552.002
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	94.761.566.817	32.151.555.056

**Thông tin cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền dùng để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 723.616.000 VND, là số tiền dùng để mua tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Vũ Đức Nghĩa  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2010

Nguyễn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 14 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MÃU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt) (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03/03/2008, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10/03/2009, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06/02/2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 97 người (31/12/2008: 83 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3076  
G T  
EM H  
OIT1  
NAI  
TP

S P  
CH  
V  
HOAN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán**

Đây là các khoản tiền gửi của người đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng chỉ định thanh toán để thực hiện cho các giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư trong và ngoài nước bao gồm cả tổ chức và cá nhân.

**Doanh thu**

*Hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu phí môi giới của nhà đầu tư.

*Doanh thu khác*

Doanh thu khác là doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng và lãi nhận được từ các hợp đồng repo chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



2  
CÔ  
CÔ  
Ứ  
01  
X/11

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	760.184.070	4.099.700.544
Tiền gửi Ngân hàng (i)	94.001.382.747	28.051.854.512
	<b>94.761.566.817</b>	<b>32.151.555.056</b>

(i) Trong số dư Tiền gửi Ngân hàng có khoảng 4,3 tỷ VND chưa có sao kê hoặc sổ phụ ngân hàng để đối chiếu.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Công ty ký kết với nhà đầu tư và thu phí chuyển nhượng các hợp đồng mua bán chứng khoán, chuyển nhượng quyền trong tương lai bao gồm: hợp đồng chuyển nhượng cổ phần (chứng khoán chưa niêm yết) có kỳ hạn (hợp đồng Repo), hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn ngắn hạn (hợp đồng Ex-repo), hợp đồng chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán. Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các nghiệp vụ mua bán chứng khoán, mua bán quyền nhận tiền bán chứng khoán, hoạt động cầm cố chứng khoán được thực hiện thông qua ngân hàng.

	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư về chuyển nhượng quyền nhận tiền bán chứng khoán	3.610.620.000	852.480.000
Đầu tư ngắn hạn về hoạt động repo (i)	25.976.450.000	71.629.800.000
Đầu tư ngắn hạn của công ty về mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn (ii)	14.025.000.000	1.094.000.000
Lãi về đầu tư repo	-	1.029.194.800
Đầu tư ngắn hạn của công ty về mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn ngắn hạn	332.070.000	336.470.000
Chứng khoán tự doanh	245.728.340	22.400.000
	<b>44.189.868.340</b>	<b>74.964.344.800</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(i): Tại 31/12/2009, Công ty đã ký các hợp đồng Repo đối với cổ phần của các công ty: Công ty Cổ phần bia và nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Dòng sông xanh, Công ty Cổ phần thiết bị điện Hàm Long, Công ty Cổ phần bánh kẹo Hải Hà, Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á, Ngân hàng Thương mại cổ phần Liên Việt, Ngân hàng Cổ phần Xuất nhập khẩu, Ngân hàng Đại Á, do đó phát sinh nghĩa vụ phải thu với số tiền là 25.976.450.000 VND đang được trình bày tại khoản mục Đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán.

(ii): Tại 31/12/2009, Công ty có ký kết các hợp đồng mua bán chứng khoán niêm yết có kỳ hạn ngắn hạn với giá trị 14.025.000.000 VND, đang được trình bày tại khoản mục Đầu tư ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán.

**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 1/1/2009	441.666.190	1.794.003.956	23.100.000	2.258.770.146
Tăng trong năm	-	898.027.446	-	898.027.446
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	560.676.496	-	560.676.496
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>441.666.190</b>	<b>3.252.707.898</b>	<b>23.100.000</b>	<b>3.717.474.088</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 1/1/2009	73.608.000	350.688.000	7.704.000	432.000.000
Khấu hao trong năm	67.474.000	693.020.849	7.062.000	767.556.849
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>141.082.000</b>	<b>1.043.708.849</b>	<b>14.766.000</b>	<b>1.199.556.849</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 31/12/2009	<b>300.584.190</b>	<b>2.208.999.049</b>	<b>8.334.000</b>	<b>2.517.917.239</b>
Tại ngày 31/12/2008	<b>368.058.190</b>	<b>1.443.315.956</b>	<b>15.396.000</b>	<b>1.826.770.146</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phản mềm	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 1/1/2009	1.729.526.476	1.729.526.476
Tăng trong năm	7.054.294.657	7.054.294.657
Đầu tư XDCB hoàn thành	120.187.500	120.187.500
Tại ngày 31/12/2009	<b>8.904.008.633</b>	<b>8.904.008.633</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 1/1/2009	180.000.000	180.000.000
Khấu hao trong năm	976.837.971	976.837.971
Tại ngày 31/12/2009	<b>1.156.837.971</b>	<b>1.156.837.971</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2009	<b>7.747.170.662</b>	<b>7.747.170.662</b>
Tại ngày 31/12/2008	<b>1.549.526.476</b>	<b>1.549.526.476</b>

**8. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ đã góp	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND
Tại ngày 1/01/2009	<b>100.000.000.000</b>	<b>31.892.072</b>
Góp vốn trong kỳ	35.000.000.000	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	579.281.911
Tại ngày 31/12/2009	<b>135.000.000.000</b>	<b>611.173.983</b>

**Thay đổi trong nguồn vốn chủ sở hữu**

Trong năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép chấp nhận tăng vốn điều lệ cho Công ty Chứng khoán Biển Việt (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV) theo Quyết định số 201/UBCK-GP ngày 10/3/2009 từ 100 tỷ VND lên 135 tỷ VND (trương đương 13.500.000 cổ phần).

301  
 NG  
 HIỆM H  
 LOIT  
 T NA  
 A - T  
 Y  
 N  
 O  
 B  
 TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. NGUỒN VỐN (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ đã góp	
	VND	%
Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori	66.150.000.000	49%
Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	5%
Bà Tạ Thị Ngọc Mỹ	5.000.000.000	4%
Ông Lâm Đức Trường	5.000.000.000	4%
Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	6%
Ông Võ Hưng	4.552.750.000	3%
Ông Võ Lê Nam	4.912.820.000	4%
Ông Nguyễn Thành Trung	4.927.850.000	4%
Cá nhân khác	28.956.580.000	21%
	<b>135.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**9. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>704.528.812</b>	<b>50.859.012</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	15.364.664	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>719.893.476</b>	<b>50.859.012</b>
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>179.973.369</b>	<b>14.240.523</b>
Giảm thuế (i)	(53.992.011)	
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>125.981.358</b>	<b>14.240.523</b>

(i) Giảm thuế được xác định bằng 30% số thuế phải trả của năm 2009 - theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì sự tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội".

**10. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	2009 VND	2008 VND
Trong vòng 1 năm	1.716.720.000	1.716.720.000
Từ 2 đến 5 năm	2.646.025.644	4.362.745.644
	<b>4.362.745.644</b>	<b>6.079.465.644</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng của Công ty. Hợp đồng thuê văn phòng tại Hà Nội được ký với Khách sạn Công đoàn Hà Nội có thời hạn 5 năm tính từ ngày 20/08/2007 và hợp đồng thuê văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh được ký với Công ty Cổ phần Dòng sông xanh có thời hạn 5 năm tính từ ngày 19/3/2007.



11/11/2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm 2009, Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori mua từ công ty Cổ phần chứng khoán Biển Việt (nay là Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori “Công ty”) 1.715.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 120402-1/NQ-DHDCD. Đồng thời, Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori cũng mua lại 4.900.000 cổ phần từ các cổ đông khác, nâng tổng số cổ phần góp vào Công ty Cổ phần chứng khoán Biển Việt lên 6.615.000 cổ phần, chiếm 49% tổng số cổ phần đã phát hành.

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	262.612.182	211.281.530

**12. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Năm 2009</b>	
	<b>Khối lượng giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch</b>
		<b>VND</b>
Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư trong nước	7.734.287	77.342.870.000
Chứng khoán giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	37.254	372.540.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của nhà đầu tư trong nước	6.389	63.890.000
	<b>7.777.930</b>	<b>77.779.300.000</b>

**13. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với ý kiến ngoại trừ.

\*\*\*